

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 8690 /UBND-TH
V/v triển khai thực hiện các nội
dung về giá nước sạch theo quy
định Luật Giá năm 2023 và Nghị
định số 85/2024/NĐ-CP ngày
10/7/2024 của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Thực hiện Văn bản số 8855/BTC-QLG ngày 21/8/2024 của Bộ Tài chính về khung giá nước sạch; trong đó đề nghị UBND các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện các nội dung về giá nước sạch theo quy định Luật Giá năm 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ. Về nội dung này, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, với các nội dung cụ thể sau:

1. Về nội dung tại khoản 1 Văn bản số 8855/BTC-QLG ngày 21/8/2024 của Bộ Tài chính

Theo nội dung tại khoản 1 Văn bản 8855/BTC-QLG ngày 21/8/2024, Bộ Tài chính đề nghị UBND các tỉnh căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và điểm c khoản 3 Điều 28 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ để tổ chức phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực mặt hàng nước sạch đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương.

Đối với nội dung này, UBND tỉnh Bình Định đã giao Sở Tài chính dự thảo quyết định của UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định của Luật Giá năm 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ. Hiện nay, Sở Tài chính đang lấy ý kiến các sở, ngành có liên quan về dự thảo quyết định phân công nhiệm vụ và sẽ trình UBND tỉnh ban hành trong thời gian đến.

Theo đó, tại dự thảo quyết định đã phân công nhiệm vụ đối với mặt hàng nước sạch: Sở Xây dựng có trách nhiệm thẩm định phương án giá nước sạch công trình cấp nước đô thị và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm định phương án giá nước sạch công trình cấp nước nông thôn.

2. Về nội dung tại khoản 2 Văn bản số 8855/BTC-QLG ngày 21/8/2024 của Bộ Tài chính

Theo nội dung tại khoản 2 Văn bản 8855/BTC-QLG ngày 21/8/2024, Bộ Tài chính đề nghị UBND cấp tỉnh *căn cứ quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ và Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện lập phương án giá nước sạch, thẩm định phương án giá, phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá nước sạch.*

Đối với nội dung này, UBND tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 7935/UBND-TH ngày 08/10/2024 về việc triển khai các nội dung về giá nước sạch theo quy định tại Luật giá năm 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 21/8/2024 của Bộ Tài chính; theo đó chỉ đạo các đơn vị cấp nước, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các nội dung về lập phương án giá nước sạch, thẩm định phương án giá, trình phê duyệt phương án giá theo quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ và Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính (có văn bản kèm theo).

3. Về nội dung tại khoản 3 Văn bản số 8855/BTC-QLG ngày 21/8/2024 của Bộ Tài chính

Theo nội dung tại khoản 3 Văn bản 8855/BTC-QLG ngày 21/8/2024, Bộ Tài chính đề nghị *gửi hồ sơ phương án giá nước sạch và đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá) theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về Bộ Tài chính để làm cơ sở tổng hợp, định khung giá nước sạch theo quy định.*

Hiện nay, các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Định đang áp dụng đơn giá nước sạch hiện hành theo các quyết định phê duyệt của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ “*Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tiếp tục áp dụng theo mức giá hàng hóa, dịch vụ hiện hành cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành văn bản định giá mới*”. Đồng thời, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo các đơn vị, cơ quan khẩn trương lập, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giá nước chậm nhất đến ngày 31/12/2024 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Do vậy đến thời điểm hiện nay, chưa thể thực hiện phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá và đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá) theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ. Theo đó, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính về giá nước của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh (theo các

quyết định phê duyệt giá nước hiện hành) đề Bộ Tài chính tổng hợp, định khung giá nước sạch theo quy định (có Phụ lục tổng hợp và các quyết định kèm theo).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, XD, NN&PTNN;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K14, K16.

Thy

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: đồng/m³ (bao gồm thuế GTGT)

STT	Tên công trình cấp nước	Tên đơn vị cấp nước	Số quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Bình Định	Giá bán buôn	Giá bán lẻ					
					Nước sinh hoạt các hộ dân cư			Các cơ quan hành chính, ĐVSN	Sản xuất vật chất	Kinh doanh dịch vụ
					a) Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng dưới 20m ³ /hộ/tháng	b) Hộ gia đình (trừ đối tượng ở mục a) sử dụng dưới 20m ³ /hộ/tháng	c) Hộ gia đình, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng từ 20m ³ /hộ/tháng trở lên			
I	Giá bán buôn									
1	Thành phố Quy Nhơn	Cty CP CTN Bình Định	1052/QĐ-UBND ngày 31/3/2022							
-	Khu công nghiệp Becamex			8.500						
-	Khu công nghiệp			12.100						
-	Khu vực nông thôn			7.000						
-	Khu vực 9 phường, thị trấn			7.000						
2	Các công trình cấp nước trên địa bàn Tây Sơn, Phù Cát, An Nhơn, Hoài Nhơn	TTNS và VSMT nông thôn	59/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	3.800						
II	Giá bán lẻ									
1	Thành phố Quy Nhơn (trừ xã Nhơn Châu)	Cty CP CTN Bình Định	1052/QĐ-UBND ngày 31/3/2022		6.615	11.235	13.335	14.595	16.590	17.955
2	Công trình cấp nước xã Nhơn Châu, TP Quy Nhơn	Ban Quản lý dịch vụ công ích TP Quy Nhơn	79/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019		6.715					15.015
3	Khu vực 9 phường, thị trấn	Cty CP CTN Bình Định	1052/QĐ-UBND ngày 31/3/2022		5.145	8.610	10.395	14.595	15.015	15.015
4	Các công trình cấp nước trên địa bàn Tây Sơn, Phù Cát, An Nhơn, Hoài Nhơn	TTNS và VSMT nông thôn	59/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022		4.410	7.875	9.240	11.130	13.020	17.535

STT	Tên công trình cấp nước	Tên đơn vị cấp nước	Số quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Bình Định	Giá bán buôn	Nước sinh hoạt các hộ dân cư			Các cơ quan hành chính, ĐVSN	Sản xuất vật chất	Kinh doanh dịch vụ
					a) Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng dưới 20m ³ /hộ/tháng	b) Hộ gia đình (trừ đối tượng ở mục a) sử dụng dưới 20m ³ /hộ/tháng	c) Hộ gia đình, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng từ 20m ³ /hộ/tháng trở lên			
5	Các công trình cấp nước Bình Tường, Phú Phong	BQL CTN H. Tây Sơn	87/2022/QĐ-UBND ngày 22/12/2022		3.885	7.875	9.240	11.130	13.020	17.535
6	Công trình cấp nước tự chảy xã Bình Tân				2.100	4.200	4.200			
7	Công trình cấp nước TT Phù Mỹ, xã Mỹ Chánh	Nhà máy cấp nước sạch Phù Mỹ	22/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023		5.081	8.400	9.975	12.600	13.860	15.015
8	Công trình cấp nước xã Mỹ Tài, Mỹ Đức, Mỹ Phong, Mỹ Châu				4.962	7.770	8.400	11.550	13.650	15.015
9	Công trình cấp nước thị trấn Phú Phong, H. Tây Sơn	Cty TNHH TM Lý Phương	31/2023/QĐ-UBND ngày 18/7/2023		5.775	8.295	9.660	12.075	13.650	17.115
10	Công trình cấp nước KCN Nhơn Hòa, TX An Nhơn	Cty CP KCN Nhơn Hòa	24/2023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023			8.295	9.660	11.797	15.750 (cấp cho DN trong và ngoài KCN)	15.750
11	Công trình cấp nước 03 xã Khu đông, TX An Nhơn	Cty CP Xây lắp An Nhơn	23/2023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023		7.049	8.295	9.660	11.550	13.650	17.115
12	Công trình cấp nước xã Cát Minh, H. Phù Cát	Hợp tác xã Cát Minh	4471/QĐUBND ngày 5/12/2016		6.400			7.000-10.500	12.000	15.000
13	Công trình cấp nước An Lão	BQL huyện An Lão	73/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020		2.730	4.620	7.140	9.030	11.235	11.235
14	Công trình cấp nước thị trấn Vĩnh Thạnh	BQL huyện Vĩnh Thạnh	4499/QĐ-UBND ngày 6/12/2016		2.500	3.849	4.730	6.271	8.250	7.701

STT	Tên công trình cấp nước	Tên đơn vị cấp nước	Số quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Bình Định	Giá bán buôn	Nước sinh hoạt các hộ dân cư			Các cơ quan hành chính, ĐVSN	Sản xuất vật chất	Kinh doanh dịch vụ
					a) Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng dưới 20m ³ /hộ/tháng	b) Hộ gia đình (trừ đối tượng ở mục a) sử dụng dưới 20m ³ /hộ/tháng	c) Hộ gia đình, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng từ 20m ³ /hộ/tháng trở lên			
15	Công trình cấp nước xã Vĩnh Hòa	BQL huyện Vĩnh Thạnh	4777/QĐ-UBND ngày 23/12/2016		2.310	2.625	3.150	4.200	4.725	4.725
16	Công trình cấp nước thị trấn Vân Canh	BQL huyện Vân Canh	3603/QĐ-UBND ngày 28/9/2017		1.901	1.901	1.901	3.570	3.990	4.725
17	Công trình cấp nước tự chảy xã Ân Nghĩa, Ân Hảo Tây, Ân Tường Đông, Ân Tường Tây	Các HTX Nông nghiệp Ân Nghĩa, Ân Hảo Tây, Ân Tường Đông, Ân Tường Tây	66/2023/QĐ-UBND, số 67/2023/QĐ-UBND, 69/2023/QĐ-UBND, 70/2023/QĐ-UBND ngày 08/11/2023		2.000-3.000	3.245	3.785	4.110	4.650	5.191-8.268
18	Công trình cấp nước xã Ân Tín, H. Hoài Ân	HTX Nông nghiệp Ân Tín	68/2023/QĐ-UBND ngày 08/11/2023		3.150	4.741	5.513	6.064	6.615	7.387
19	Công trình cấp nước Phước Sơn, Phước Quang, Phước Thuận, H. Tuy Phước	BQL Nước sạch và VSMT H. Tuy Phước	73/2023/QĐ-UBND ngày 08/11/2023		4.410	7.875	9.240	11.130	13.020	17.535